

Giải Bài 92 trang 8 VBT Toán lớp 3 Tập 2

Bài 1 trang 8 Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 2:

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5000 ; 6000 ; 7000 ; ; ;

b) 9995 ; 9996 ; 9997 ; ; ;

c) 9500 ; 9600 ; 9700 ; ; ;

d) 9950 ; 9960 ; 9970 ; ; ;

Lời giải:

a) 5000 ; 6000 ; 7000 ; 8000 ; 9000 ; 10 000.

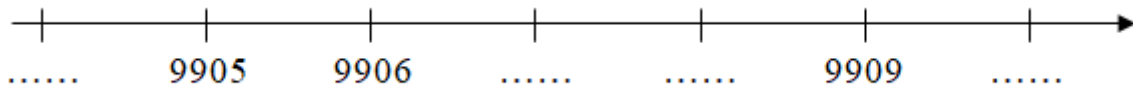
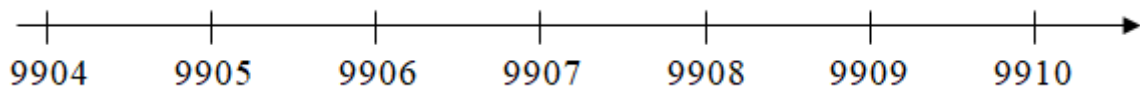
b) 9995 ; 9996 ; 9997 ; 9998 ; 9999 ; 10 000.

c) 9500 ; 9600 ; 9700 ; 9800 ; 9900 ; 10 000.

d) 9950 ; 9960 ; 9970 ; 9980 ; 9990 ; 10 000.

Bài 2 trang 8 Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 2:

Viết tiếp số thích hợp vào dưới mỗi vạch

**Lời giải:**

Bài 3 trang 8 Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 2:

Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
---------------	-----------	-------------

	4528	
	6139	
	2000	
	2005	
	5806	
Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
	9090	
	9999	
	9899	
	1952	
	2009	

Lời giải:

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
4527	4528	4529
6138	6139	6140
1999	2000	2001
2004	2005	2006
5805	5806	5807
Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
9089	9090	9091
9998	9999	10 000
9898	9899	9900
1951	1952	1953
2008	2009	2010

Bài 4 trang 8 Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 2:

Số ?

a) Các số trong nghìn bé hơn 5555 là:

b) Số tròn nghìn liền trước 6000 là:

c) Số tròn nghìn liền sau 6000 là:

Lời giải:

a) Các số trong nghìn bé hơn 5555 là: 5000 ; 4000 ; 3000 ; 2000 ; 1000.

b) Số tròn nghìn liền trước 6000 là: 5000.

c) Số tròn nghìn liền sau 6000 là: 7000.

Bài 5 trang 8 Vở bài tập Toán lớp 3 Tập 2:

a) Đo rồi viết số đo độ dài thích hợp vào chỗ chấm:



Chiều dài của hình chữ nhật là:cm.

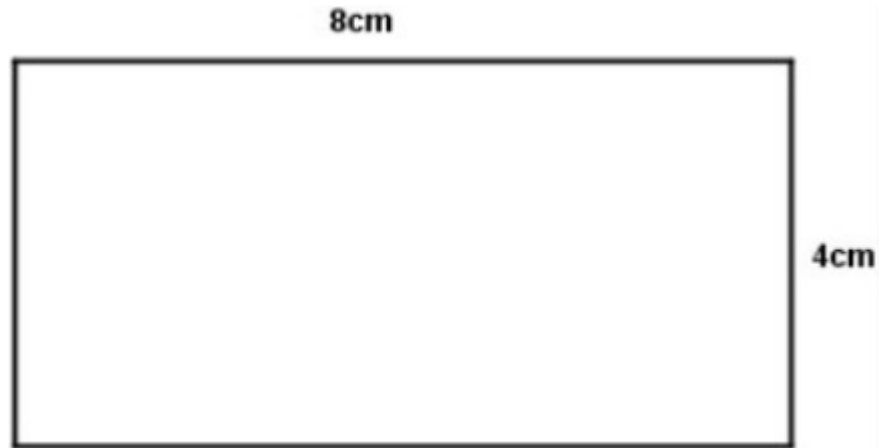
Chiều rộng của hình chữ nhật là:cm.

b) Số ?

Chu vi hình chữ nhật là:cm.

Lời giải:

Sử dụng thước kẻ để đo độ dài các cạnh của hình chữ nhật, ta được:



a) Chiều dài của hình chữ nhật là: 8cm.

Chiều rộng của hình chữ nhật là: 4cm.

b) Chu vi hình chữ nhật là: $(8 + 4) \times 2 = 24\text{cm}$.